

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-10-2018

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Bà Võ Lệ Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Phương Đ, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 18, khu phố 3, phường PN, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Đường 31, tổ 56, thôn QT, xã NT, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Công M, sinh năm 1979.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 18, khu phố 3, phường PN, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Đường 31, tổ 56, thôn Q T, xã NT, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng tàu.

(Chị Đ có đơn xin vắng mặt, anh M vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn, chị Trần Thị Phương Đ trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 03 năm thì chị Đ và anh M đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 4 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã NT, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng từ năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh M không lo làm ăn, đam mê cờ bạc, rượu chè, không quan tâm đến cuộc sống gia đình dẫn đến bán nhà, và còn đánh đập chị Đ. Mọi việc trong gia đình một mình chị Đ lo liệu, con thì bị bệnh tim bẩm sinh, chi phí điều trị rất nhiều nhưng anh M không quan tâm, chia sẻ, hỗ trợ về tinh thần cũng như vật chất. Vì thương con và mong muốn gia đình không bị đổ vỡ nên chị Đ cố gắng chịu đựng để tiếp tục chung sống, nhưng qua thời gian anh M vẫn không thay đổi sửa chữa. Đến tháng 9 năm 2017 chị Đ quyết định ly thân và bỏ về gia đình cha mẹ ruột để ở. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị Đ, anh M không liên lạc gì và cũng không có biện pháp nào để hàn gắn lại hạnh phúc, anh M vẫn không chịu thay đổi cách sống. Đến nay chị Đ thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Phương Đ yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Công M.

Về nuôi con chung: Chị Đ và anh M có 01 người con chung là Nguyễn Công Thái B, sinh ngày 23-6-2008. Cháu đang sinh sống với chị Đ và chị Đ có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Công M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Công Thái B, sinh ngày 23-6-2008 cho chị Đ được quyền nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đ và anh M sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị Đ yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh M là xã QT, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Đ vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đ và anh M trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 4 năm 2007 tại UBND xã NT, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị Đ nguyên nhân mâu thuẫn do anh M không quan tâm đến cuộc sống gia đình, anh M thường xuyên rượu chè về hành hung chị Đ, cờ bạc dẫn đến phải bán nhà. Có khi nhậu say về đánh đập chị Đ, không lo cho con chung dù con bị bệnh cần phải điều trị. Từ giữa năm 2017 thì vợ chồng ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân thì vợ chồng cũng không tìm cách hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị Đ, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh M để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng anh M vẫn không đến chứng tỏ anh M không có thiện chí đoàn tụ.

Ngoài ra theo kết quả xác minh thì mâu thuẫn giữa chị Đ và anh M là có thật, do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nên từ giữa năm 2017 thì anh M và chị Đ ly thân cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh M ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đ được ly hôn với anh M.

[3] Về nuôi con chung: Chị Đ và anh M có 01 người con chung là Nguyễn Công Thái B, sinh ngày 23-6-2008. Xét thấy, từ khi chị Đ và anh M ly thân thì anh M không trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, cháu B được chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện cháu B đã trên 10 tuổi và có nguyện vọng xin được sống với mẹ nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu B cho chị Đ được quyền nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Phương Đ và anh Nguyễn Công M.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Phương Đ và anh Nguyễn Công M có 01 người con chung là Nguyễn Công Thái B, sinh ngày 23-6-2008;

Giao con chung Nguyễn Công Thái B, sinh ngày 23-6-2008 cho chị Trần Thị Phương Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Phương Đ không yêu cầu anh Nguyễn Công M cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Công M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Phương Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0002803 ngày 30 tháng 5 năm 2018; Chị Trần Thị Phương Đ đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09-10-2018), đối với chị Trần Thị Phương Đ và anh Nguyễn Công M vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi gửi:

- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- Các Đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND xã Nghĩa Thành;
- lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÀO TRỌNG HẢI